

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 544/2023/HNGĐ-TLST ngày 29/11/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 327/2024/QĐ-ST ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Đài Loan

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1986;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: Đài Loan

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

(Chị D, anh K, bà L đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 04/3/2011. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Để phát triển kinh tế, đầu năm 2021 anh K sang Đài Loan lao động, cuối năm 2021 chị cũng sang Đài Loan lao động, mỗi người ở một nơi, vợ chồng thỉnh thoảng có gặp nhau, hai bên vẫn động viên, quan tâm chia sẻ. Đến tháng 01/2023 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, lối sống dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng chị và anh K không giải quyết được mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về quan hệ con chung: Chị và anh K có 2 con chung là cháu Nguyễn Mai H, sinh ngày 07/3/2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2018. Trong thời gian chị và anh K ở nước ngoài, các cháu H, Nam được bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị có quan điểm mỗi người nuôi một con, chị có nguyện vọng được nuôi cháu H để anh K nuôi cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị tiếp tục ủy quyền cho bà nội là Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng các con, hàng tháng chị sẽ có trách nhiệm gửi tiền về nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn K hiện nay đang lao động tại Đài Loan, do chị D không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh K qua gia đình. Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ anh K xác định, anh K đi Đài Loan lao động khoảng từ năm 2021, từ khi đi anh K về Việt Nam 2 lần. Địa chỉ của anh K ở nước ngoài bà không biết, nhưng anh K thường xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại. Bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh K biết. Thông qua gia đình anh K đã có quan điểm thể hiện: Về quan hệ hôn nhân, xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên không còn tình cảm với nhau, nay chị D có đơn ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh xác định vợ chồng có hai con chung, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2018, chị D nuôi con Nguyễn

Mai H, sinh ngày 07/3/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, vợ chung anh và chị D tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện anh chưa về được Việt Nam, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh K. Hiện tại cháu H, cháu N đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh K, chị D đều gửi tiền để bà nuôi các cháu. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị D, anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, cháu N và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Cháu Nguyễn Mai H là con chung của chị D, anh K có quan điểm ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Trong thời gian mẹ ở nước ngoài cháu có nguyện vọng được ở với bà nội.

Do điều kiện chị D không về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên ủy quyền cho chị Vũ Thị C giao nhận văn bản tố tụng. Chị C có quan điểm đồng ý và đã thông tin cho chị D biết. Tại thời điểm xét xử, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, nuôi con, tài sản chung như đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D được ly hôn anh K. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai H, sinh ngày 07/3/2011 cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2018 cho anh Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị D, anh K không ở Việt Nam, tạm giao cháu H, cháu N cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn K đều có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại KDC N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh K, chị D đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Tài liệu chị D giao nộp tại Tòa án gồm: Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, Đơn đề nghị, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Bản tự khai, Giấy ủy quyền đều có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đ. Do vậy, có căn cứ xác định nội dung những văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị D.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chị D không cung cấp được địa chỉ của anh K tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh K cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh K được biết, anh K thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L. Bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh K biết. Thông qua gia đình anh K cũng thể hiện quan điểm về việc ly hôn và nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi cho anh K Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do anh K không cung cấp địa chỉ tại Đài Loan nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

[4] Chị D, anh K ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng cháu H, cháu N trong thời gian anh, chị không ở Việt Nam nên Tòa án xác định bà L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Chị D, anh K, bà L đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[6] Về nội dung:

[7] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 04/3/2011, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, lời khai của bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ anh K), có căn cứ xác định, sau ngày cưới chị D, anh K sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị sang Đài Loan lao động, mỗi người sống ở một nơi nên vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ, bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế, lối sống sinh hoạt hàng ngày. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin

ly hôn anh K. Quá trình giải quyết vụ án, anh K cũng có quan điểm xác định không còn tình cảm với chị D nên chị D có đơn ly hôn, anh đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị D và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[8] *Về quan hệ con chung*: Cả chị D, anh K đều có quan điểm thống nhất để chị D nuôi cháu H, anh K nuôi cháu N và đều ủy quyền cho bà nội các cháu là Nguyễn Thị L chăm sóc các con. Xét thấy, cháu H cũng có nguyện vọng ở với chị D (hiện tại ở với bà nội), thực tế cháu H và cháu N đang sống cùng bà nội, các cháu đều được học tập và phát triển tốt. Anh K, chị D đang lao động ở nước ngoài nên việc giao cháu H và cháu N cho bà nội chăm sóc trong thời gian anh chị không có ở Việt Nam là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo sự ổn định cho các cháu. Do đó cần chấp nhận việc thỏa thuận của các bên đương sự, giao cháu H cho chị D, giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian anh K, chị D không ở Việt Nam, tạm giao cháu H, cháu N cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[9] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Mai H, sinh ngày 07/3/2011 cho chị Nguyễn Thị D; giao con Nguyễn Bảo N, sinh ngày 11/6/2018 cho anh Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị D, anh K không ở Việt Nam, tạm giao cháu H, cháu N cho bà

Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000334 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Chí Minh, Tp. Chí Linh;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu